

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng hàng do người lớn kẻ. Thẻ giá trị có thể thay cho nhiều đơn vị theo quy ước; không cần đếm hàng triệu đồ vật.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc đúng dữ kiện của từng nhiệm vụ; em có thể viết, lập bảng hàng hoặc dùng thẻ giá trị để giải thích.

Kiểm lại kết quả bằng cấu tạo số, phép tính ngược hoặc một cách khác phù hợp.

LƯU Ý CHUNG

Để trẻ tự làm rồi giải thích mối quan hệ đã dùng. Đọc lại nguyên đề khi cần, không đọc đáp án trước.

Số có nhiều chữ số được tách nhóm ba chữ số để dễ đọc. Chấp nhận khoảng cách nhóm khác nhau nếu số và giá trị các hàng đúng.

Ghi riêng phần được giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang đã làm làm bằng chứng đã hiểu.

Bài 1 · tr. 01 Làm tròn đến hàng chục và hàng trăm

Mục tiêu Làm tròn số nhiều chữ số đến chục hoặc trăm, nhận trường hợp chữ số quyết định là 5.

Ví dụ Làm tròn 23 456 đến chục được 23 460 vì hàng đơn vị là 6. Đến trăm được 23 500 vì hàng chục là 5.

Câu 1 · tr. 01 Đến chục: 74 280; đến trăm: 74 300.

Câu 2 · tr. 01 105 770; chữ số hàng đơn vị là 5.

Câu 3 · tr. 01 8 320 400; hàng chục là 4.

Câu 4 · tr. 01 456 300; hàng chục là 5 nên làm tròn lên trăm kế tiếp.

Bài 2 · tr. 02 Làm tròn đến hàng nghìn

Mục tiêu Làm tròn đến hàng nghìn bằng chữ số hàng trăm.

Ví dụ 98 650 làm tròn đến nghìn được 99 000 vì chữ số hàng trăm là 6.

Câu 1 · tr. 02 36 000.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 2 · tiếp tục

Câu 2 · tr. 02 4 206 000.

Câu 3 · tr. 02 27 350 000; chữ số hàng trăm là 5.

Câu 4 · tr. 02 851 000; cần nhìn hàng trăm là 9, không nhìn hàng đơn vị.

Bài 3 · tr. 02 Làm tròn đến hàng mười nghìn

Mục tiêu Làm tròn đến hàng chục nghìn bằng chữ số hàng nghìn.

Ví dụ 638 400 làm tròn đến mười nghìn được 640 000 vì hàng nghìn là 8.

Câu 1 · tr. 02 430 000.

Câu 2 · tr. 02 12 840 000.

Câu 3 · tr. 03 9 000 000.

Câu 4 · tr. 03 Nhìn hàng nghìn là 9, làm tròn thành 36 250 000; kết quả 36 300 000 của bạn là sai.

Bài 4 · tr. 03 Làm tròn đến hàng trăm nghìn

Mục tiêu Làm tròn đến hàng trăm nghìn bằng chữ số hàng chục nghìn.

Ví dụ 52 380 000 làm tròn đến trăm nghìn được 52 400 000 vì hàng chục nghìn là 8.

Câu 1 · tr. 03 7 200 000.

Câu 2 · tr. 03 96 500 000.

Câu 3 · tr. 03 129 000 000.

Câu 4 · tr. 03 31 100 000; chữ số quyết định là hàng chục nghìn bằng 5, không phải hàng nghìn.

Bài 5 · tr. 04 Chọn mức làm tròn phù hợp và kiểm

Mục tiêu Làm tròn theo mục đích, phân biệt số chính xác với số gần đúng.

Ví dụ Một bản ghi có đúng 284 650 vé. Nói khoảng 285 000 vé khi làm tròn đến nghìn không có nghĩa số vé thật đã đổi.

Câu 1 · tr. 04 Lần lượt 482 740; 482 700; 483 000.

Câu 2 · tr. 04 Khoảng 26 450 000 hạt; khoảng 26 500 000 hạt.

Câu 3 · tr. 04 Kết quả làm tròn đúng nhưng phải nói khoảng 150 000 vé; số chính xác vẫn là 149 800 vé.

Câu 4 · tr. 04 Đến trăm: 83 275 500, nhìn hàng chục là 6; đến mười nghìn: 83 280 000, nhìn hàng nghìn là 5.